

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/KDTM-ST

Ngày: 05 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Bà Nguyễn Thị Hồng X;

2. Ông Lê Văn C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Y - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc H - Kiểm sát viên.

Ngày 04 và ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 121/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH P (V); địa chỉ: Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện hợp pháp: Ông Cao Quang T, sinh năm 1986; nơi thường trú: 187/16, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2024). Có yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH J., LTD địa chỉ: Đường số D; khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Đường số D, KCN Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH J1 và Công ty TNHH P (V) là đối tác mua bán của nhau từ nhiều năm, chuyên mua bán các sản phẩm vít đầu, long đèn, ốc cây, ngũ kim bao....trong suốt quá trình hợp tác mua bán nhiều năm các bên có ký kết hợp đồng mua bán. Mỗi năm các bên ký kết 01 hợp đồng. Hiện nay nguyên đơn còn lưu giữ Hợp đồng số 20/HĐMB/2024 ngày 02/01/2024.

Tại Thư xác nhận công nợ lập ngày 01/3/2024 tính tới hết ngày 31/12/2023 thì Công ty TNHH J1 còn nợ Công ty TNHH P (V) số tiền là: 14.269.033.615 đồng tại các hóa đơn sau:

STT	NGÀY	SỐ HÓA	TIỀN NỢ	TIỀN TRẢ NỢ
-----	------	--------	---------	-------------

		ĐƠN	PHÁT SINH	
01	20/9/2021	0003618	141,630,290	
02	20/9/2021	0003619	448,738,377	
03	20/9/2021	0003620	169,944,229	
04	20/9/2021	0003621	18,764,040	
05	20/9/2021	0003622	59,812,830	
06	25/10/2021	0003691	169,092,600	
07	25/10/2021	0003693	451,078,081	
07	25/10/2021	0003694	221,951,902	
08	25/10/2021	0003695	16,873,628	
09	25/10/2021	0003696	169,684,693	
10	26/11/2021	0003791	37,529,399	
11	26/11/2021	0003792	13,641,560	
12	26/11/2021	0003793	129,797,669	
13	26/11/2021	0003794	869,511,651	
14	26/11/2021	0003795	297,062,278	
15	03/12/2021	HL12001		951,033,850
16	27/11/2021	0003879	50,622,254	
17	27/11/2021	0003880	21,149,091	
18	27/11/2021	0003881	70,589,638	
19	27/11/2021	0003882	215,370,475	
20	27/11/2021	0003883	727,468,602	
21	26/01/2022	0003980	28,253,342	
22	26/01/2022	0003981	189,728,448	
23	26/01/2022	0003982	189,902,955	
24	26/01/2022	0003983	386,559,247	
25	26/01/2022	0003985	377,069,057	
26	27/01/2022	HL01021		1,099,657,865
27	24/02/2022	0004025	40,371,702	
28	24/02/2022	0004026	170,469,521	
29	24/02/2022	0004027	61,188,100	
30	24/02/2022	0004028	410,703,101	
31	24/02/2022	0004029	436,651,626	
32	27/03/2022	0004122	29,661,145	
33	27/03/2022	0004123	82,950,051	
34	27/03/2022	0004124	3,747,106	
35	27/03/2022	0004125	137,610,886	
36	27/03/2022	0004126	102,738,666	
37	27/03/2022	0004127	71,876,053	
38	27/03/2022	0004128	1,407,211,337	
39	29/4/2022	0000044	1,290,500,156	
40	30/5/2022	HL05010		938,056,297
		trả nợ		
41	31/5/2022	0000105	2,065,675,387	
42	09/6/2022	HL06008		1,360,010,717
		trả nợ		
43	04/7/2022	0000158	1,878,285,110	

44	29/6/2023	0000227	603,123,258
Tổng cộng			14.264.589.541

Từ khi có thư xác nhận công nợ tới nay Công ty TNHH P đã nhiều lần gửi thư yêu cầu Công ty TNHH J1 co.,ltd trả khoản nợ trên nhưng Công ty TNHH J1 vẫn không thanh toán.

Tại đơn khởi kiện Công ty TNHH P (V) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH J1 co.,ltd phải trả Công ty TNHH P (V) tổng số tiền tính đến hết ngày 31/12/2023 là: 14.265.188.762 đồng (*Mười bốn tỷ hai trăm sáu mươi năm triệu một trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng*). Quá trình tố tụng, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc 14.264.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt suốt quá trình tố tụng không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu, tài liệu chứng cứ gì của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự:

Về việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án: Xét thấy nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng mua bán hàng hoá theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình tố tụng: Hoá đơn giá trị gia tăng, tờ khai báo thuế đối với các hóa đơn trên; Phiếu giao hàng, đơn đặt hàng, thư xác nhận nợ ngày 01/3/2024. Bị đơn chưa thanh toán tiền hàng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Công ty TNHH J., L đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 01/8/2025 và ngày 04/9/2025 nhưng Công ty J1 vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Bị đơn Công ty TNHH J., LTD vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.
3. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc 14.264.000.000 đồng. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi

kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn

4. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng mua bán từ năm 2023 trở về trước nhưng nguyên đơn có cung cấp các hóa đơn bán hàng gồm:

STT	NGÀY	SỐ HÓA ĐƠN	TIỀN NỢ PHÁT SINH	TIỀN TRẢ NỢ
01	20/9/2021	0003618	141,630,290	
02	20/9/2021	0003619	448,738,377	
03	20/9/2021	0003620	169,944,229	
04	20/9/2021	0003621	18,764,040	
05	20/9/2021	0003622	59,812,830	
06	25/10/2021	0003691	169,092,600	
07	25/10/2021	0003693	451,078,081	
07	25/10/2021	0003694	221,951,902	
08	25/10/2021	0003695	16,873,628	
09	25/10/2021	0003696	169,684,693	
10	26/11/2021	0003791	37,529,399	
11	26/11/2021	0003792	13,641,560	
12	26/11/2021	0003793	129,797,669	
13	26/11/2021	0003794	869,511,651	
14	26/11/2021	0003795	297,062,278	
15	03/12/2021	HL12001		951,033,850
16	27/11/2021	0003879	50,622,254	
17	27/11/2021	0003880	21,149,091	
18	27/11/2021	0003881	70,589,638	
19	27/11/2021	0003882	215,370,475	
20	27/11/2021	0003883	727,468,602	
21	26/01/2022	0003980	28,253,342	
22	26/01/2022	0003981	189,728,448	
23	26/01/2022	0003982	189,902,955	
24	26/01/2022	0003983	386,559,247	
25	26/01/2022	0003985	377,069,057	
26	27/01/2022	HL01021		1,099,657,865
27	24/02/2022	0004025	40,371,702	
28	24/02/2022	0004026	170,469,521	
29	24/02/2022	0004027	61,188,100	
30	24/02/2022	0004028	410,703,101	
31	24/02/2022	0004029	436,651,626	
32	27/03/2022	0004122	29,661,145	
33	27/03/2022	0004123	82,950,051	
34	27/03/2022	0004124	3,747,106	
35	27/03/2022	0004125	137,610,886	
36	27/03/2022	0004126	102,738,666	
37	27/03/2022	0004127	71,876,053	
38	27/03/2022	0004128	1,407,211,337	
39	29/4/2022	0000044	1,290,500,156	

40	30/5/2022	HL05010 trả nợ		938,056,297
41	31/5/2022	0000105	2,065,675,387	
42	09/6/2022	HL06008 trả nợ		1,360,010,717
43	04/7/2022	0000158	1,878,285,110	
44	29/6/2023	0000227	603,123,258	
Tổng cộng			14.264.589.541	

Theo nội dung của các Hoá đơn giá trị gia tăng trên thể hiện tổng giá trị hàng hoá Công ty J1 đã mua của Công ty P là 14.264.589.541 đồng, các hóa đơn trên kèm theo phiếu giao hàng và có khai báo thuế đầy đủ tại cơ quan thuế. Ngoài ra, ngày 01/3/2024 nguyên đơn và bị đơn có lập thư xác nhận công nợ thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 14.269.033.615 đồng. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 14.264.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Công ty P đã giao hàng cho Công ty J1 nhưng đến nay Công ty J1 vẫn chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty P. Quá trình tố tụng, Công ty J1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán hoặc ý kiến phản bác số nợ này. Tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”*. Điều 55 Luật thương mại 2005 quy định: *“Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau: Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa”*. Việc bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền mua bán hàng hóa cho nguyên đơn là vi phạm Điều 50, 55 Luật Thương Mại, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 14.260.000.000 đồng khi mua hàng cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Quá trình tố tụng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền gốc còn nợ khi mua hàng là 14.264.000.000 đồng (mười bốn tỷ, hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 244, 264, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P (V) đối với bị đơn Công ty TNHH J., LTD về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH J., LTD phải thanh toán cho Công ty TNHH P (V) số tiền nợ gốc mua bán hàng hóa tại thư xác nhận ngày 01/3/2024 là 14.260.000.000 đồng (mười bốn tỷ, hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1. Về án phí:

Công ty TNHH J., LTD phải chịu 122.260.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trả lại cho Công ty TNHH P (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.132.594 đồng (sáu mươi một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009572 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

1. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị H